

THANH GŨM ĐỂ LẠI

Khi qua đời, tài sản quý báu nhất ông để lại cho con cháu là khí phách tuyệt vời của một Nho sĩ cùng với thanh gươm mà ông mang theo khi vào tự vẫn ở Võ Miếu. Người chắt nội của ông đã mang thanh gươm báu này đi cướp chính quyền ở thành phố Hội An trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ông chính là Tổng đốc Hoàng Diệu, người chết theo thành Hà Nội năm 1882.



Hoàng Diệu (1829-1882)

LÊ THÍ

Hoàng Diệu tên thật là Hoàng Kim Tích, tự là Quang Viễn, hiệu là Tĩnh Trai, sinh ngày 10 tháng Hai năm Kỷ Sửu (5/3/1829) tại làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn; nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Dù xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, cha ông chỉ là một hương chức nhỏ trong làng, nhưng cả 6 anh em Hoàng Diệu đều đỗ đạt, thành danh với 1 phó bảng, 3 cử nhân và 2 tú tài.

Năm 1848, khi mới 19 tuổi, ông đã cùng anh đỗ cử nhân tại trường thi Thừa Thiên. Vì bài thi của hai anh em có nhiều lý giải giống nhau nên quan Chánh chủ khảo Hoàng Tế Mỹ phải

tấu trình về triều. Vua Tự Đức ra lệnh cho phúc hạch hai anh em ông ngay tại tả, hữu vu của điện Cần Chánh do nhà vua đích thân chủ trì. Sau khi xét duyệt vua Tự Đức đã châu phê: “Văn hành công khí, quý đức chân tài; huynh đệ đồng khoa, thành vi mỹ sự” (Hành văn là việc chung cốt để chọn nhân tài; anh em cùng đỗ một khoa đó là điều tốt đẹp)⁽¹⁾. Năm 1853, vào thi Đình ông đỗ phó bảng.

Con đường khoa cử của ông khá suôn sẻ nhưng con đường hoạn lộ thì lại nhiều gập ghềnh, đã 3 lần bị giáng chức vì vạ lây. Từ nhỏ anh em ông đã được hưởng nền giáo dục gia đình rất tốt. Chuyện kể, khi làm quan ông có gửi về tặng mẹ một tấm áo lụa. Mẹ ông đã gửi trả lại kèm theo một chiếc roi dâu, hàm ý khuyên con phải thanh

liêm, coi việc nước trên việc nhà. Đại Nam liệt truyện đã ca ngợi ông: “là người tính tình cương trực, thanh liêm, làm sự quyết đoán, có phong độ của bậc đại thần”⁽²⁾.

Năm 1868, Hoàng Diệu được cử ra Bắc nhận chức Tri phủ Đa Phúc rồi Lạng Giang; sau đó thăng Án sát Nam Định rồi Bố chính Bắc Ninh. Suốt 9 năm làm quan tại đây ông đã lập được nhiều chiến công, dẹp yên trộm cướp, vỗ an dân chúng “là viên quan cương trực, mẫn cán, được sở dân tin yêu, khi ra đi mọi người đều nhớ”⁽³⁾. Vì thế uy tín của ông trong nhân dân Bắc Hà rất lớn. Nhưng năm 1878, ông phải về triều làm Khâm sai đại thần đi cứu tế ở Quảng Nam rồi Phó sứ để đàm phán với Tây Ban Nha trước khi nhận chức Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh).

Năm 1880, trước dã tâm xâm lăng của Pháp, trong lúc triều đình bối rối tiến thoái lưỡng nan. Vua Tự Đức nghĩ ngay đến Hoàng Diệu, lúc này đang là Thượng thư bộ Binh. Nhà vua phải thốt lên “Lo cho dân Bắc Hà ngoài Hoàng Diệu ra không ai hơn”⁽⁴⁾. Thế là một lần nữa Hoàng Diệu lại ra nơi đầu sóng ngọn gió. Ông nhậm chức Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội, Ninh Bình) kiêm quản việc thương chánh ở Bắc Kỳ. Chuyện kể, trước khi đi nhậm chức ông được về quê thăm mẹ. Từ làng Xuân Đài ông đã xuống làng



Mộ Hoàng Diệu tại Xuân Đài, Điện Bàn



Quân Pháp tấn công thành Hà Nội năm 1882 (Ảnh tư liệu)

Đông Bàn để thăm Phạm Phú Thứ, đang nghỉ hưu tại đây. Hai ông đàm đạo về thời thế suốt một buổi sáng. Trước khi chia tay, hai vị đại thần đã vài lạy tạ từ nhau. Là hai người hiểu rõ thời thế hơn ai hết cử chỉ ấy của hai ông sau này mới biết là một lời chào vĩnh biệt.

Đến Hà Nội, ông vỗ an dân chúng, tập trung bố phòng chống giặc. Việc làm này được thân sĩ Hà Nội ủng hộ nhưng lại bị triều đình quả trách.

Ngày mồng 8 tháng 3 Nhâm Ngọ (25/4/1882) lấy cố Việt Nam không tôn trọng Hiệp ước Giáp Tuất 1874, Henri Rivière gửi tối hậu thư buộc Tổng đốc Hoàng Diệu phải giao thành Hà Nội. Trước thái độ ngang ngược của giặc, ông cho người đi thương lượng nhưng lại chuẩn bị để quyết chiến. Không đợi trả lời, H. Rivière ra lệnh công phá thành. Ông chỉ huy quân sĩ chống trả đến phút cuối cùng. Tướng sĩ dưới trướng lớp bị thương vong, lớp bỏ trốn theo giặc, ông chạy vào Võ Miếu cùng với mười lính hầu, trong tay chỉ còn một thanh gươm. Ông cắn ngón tay lấy máu viết biểu dâng về triều tạ tội “Thành mất không sao cứu được, thật hổ thẹn với nhân sĩ Bắc thành. Thần chết có quản gì, nguyện theo Nguyễn Tri Phương xuống suối vàng...”, ra lệnh cho quân

sĩ theo hầu “Ai muốn về Huế thì về, còn ai muốn đánh thì theo lên quân thứ Sơn Tây” rồi lấy khăn buộc lên một cây táo thắt cổ tự vẫn để khỏi rơi vào tay giặc.

Nghe tin Hoàng Diệu tuẫn tiết, sĩ dân Hà Nội rất thương tiếc và ngày hôm sau đã đưa thi hài ông về mai táng tại khu vườn Dinh Đốc học Hà Nội. Gần nửa tháng sau, khi đang làm cỏ lúa gieo trên cánh đồng làng, bà Hoàng Diệu mới nhận được tin chống tuẫn tiết ở Hà Nội; bà đã ngắt xiêu trên bờ ruộng. Chống làm quan đến Thượng thư, Tổng đốc đại thần, vợ lại không xênh xang lên xe xuống ngựa mà chỉ là một nông dân bình thường, thật là một điều hiếm thấy xưa nay.

Mấy tháng sau, hài cốt của ông được đưa về an táng ở quê nhà. Ông được an nghỉ giữa cánh đồng lúa xanh ngát của quê mẹ. Trước mộ hiện còn khảm hai câu đối bất hủ do Tôn Thất Thuyết viếng:

Nhứt tử thành danh tự cổ anh hùng phi sở nguyện.

Bình sinh trung nghĩa, đương niên đại cuộc khởi vô tâm

(Một chết nên danh, há phải chỉ anh hùng từ trước/ Suốt đời trung nghĩa, không thẹn khi nhìn đại cuộc ngày nay).

Cái chết chói ngời lòng trung nghĩa của ông đã gây xúc động lớn, kẻ thù của ông cũng phải kính nể nghiêng mình. Henri Rivière, viên đại tá chỉ huy quân đội Pháp đánh thành Hà Nội đã thốt lên: “Quan Tổng đốc là một người điềm đạm và cương quyết. Ông là một người quân tử. Cái chết của ông đã nói lên điều đó. Ông chết là điều lợi cho ta. Tính can đảm và ảnh hưởng của ông có thể gây khó khăn cho chúng ta”. Sử gia Phan Khoang viết “Hà Nội thất thủ lần trước làm cho nước Nam mất một thượng tướng có tài. Hà Nội thất thủ lần sau làm cho nước Nam mất một đại viên lỗi lạc. Hai vị thượng quan văn, võ mà phẩm cách và tài năng đã làm cho kẻ đối địch khen phục, đã thí xả thân mệnh để giữ toàn tiết nghĩa với nước. Thâm thương thay! Về vang thay!”⁽⁵⁾.

Cùng với Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu được sĩ dân Bắc Hà thờ tại miếu Trung Liệt trên gò Đống Đa với đôi câu đối:

Thử thành quách, thử giang sơn, bách chiến phong trần dư xích địa.

Vì nhật tinh, vì hà nhạc, thập niên tâm sự cộng thiên thanh.

(Kìa thành quách, kìa non sông, trăm trận phong trần còn thước đất/ Là trời sao, là sông núi, mười năm tâm sự với trời xanh)

Ra đi, Hoàng Diệu chẳng để lại tài sản gì cho con cháu, ngoài phẩm chất, khí phách tuyệt vời của một Nho sĩ và một thanh gươm báu. Tất cả đã được con cháu tộc Hoàng lưu giữ như một thứ gia bảo “truyền tử lưu tôn” qua nhiều thế hệ. Năm 1945, người cháu nội của ông đã mang thanh gươm ấy đi cướp chính quyền ở thành phố Hội An trong Cách mạng tháng Tám. ■

(1) Nguyễn Hoàng Viêm. Hoàng Diệu 1829-1882, NXB Đà Nẵng 2001, trang 3, 4.

(2, 3, 4) Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam liệt truyện, Viện Sử học và NXB Thuận Hóa năm 2006.

(5) Phan Khoang, Việt Nam Pháp thuộc sử, NXB Khai Trí, 1961.